



CHƯƠNG 3

TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ

ThS Hồ Thị Hoài Thương

Email: thuongho242@gmail.com



NỘI DUNG CHƯƠNG

1. Khái niệm và đo lường tăng trưởng kinh tế
2. Mối quan hệ giữa năng suất và tăng trưởng
3. Năng suất: vai trò và các yếu tố quyết định
4. Một số lý thuyết tăng trưởng kinh tế
5. Một số chính sách thúc đẩy tăng trưởng kinh tế

1. Khái niệm và đo lường tăng trưởng

- **Khái niệm**

Tăng trưởng là ***sự gia tăng mức sản xuất*** mà nền kinh tế tạo ra theo thời gian

Bản chất của tăng trưởng ?

1. Khái niệm và đo lường tăng trưởng

- **Đo lường**
 - Tốc độ tăng trưởng: là phần trăm thay đổi GDP trong thời kỳ/năm này so với thời kỳ/năm trước

$$gt = (Y_t - Y_{t-1} / Y_{t-1}) \times 100\%$$

Trong đó: gt là tốc độ tăng trưởng thời kỳ t ; Y là GDP thực tế hoặc GDP thực tế bình quân đầu người (= GDP thực tế / tổng quy mô dân số)

1. Khái niệm và đo lường tăng trưởng

- Tốc độ tăng trưởng bình quân trong cả giai đoạn

$$g = \left(\sqrt[t]{\frac{Y_t}{Y_0}} - 1 \right) \times 100\%$$

Trong đó: Y_0 ; Y_t lần lượt là GDP thực tế / GDP thực tế bình quân đầu người đầu kì ; cuối kì

g là tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn $(0,t)$

1. Khái niệm và đo lường tăng trưởng

- Quy tắc 70: Nếu một biến số tăng trưởng với tốc độ bình quân $g\%$ mỗi năm thì sau $70/g$ năm nó sẽ tăng lên gấp đôi

$$n = \frac{70}{g}$$

2. Mối quan hệ giữa năng suất & tăng trưởng

- **Năng suất** đề cập tới lượng hàng hóa và dịch vụ được sản xuất trong một đơn vị thời gian bởi một người lao động

- Năng suất lao động = Y / L

$Y = GDP \text{ thực tế} = \text{Sản lượng đầu ra}$

$L = \text{Số lượng lao động}$

2. Mối quan hệ giữa năng suất & tăng trưởng

- Một nền kinh tế sản xuất đạt năng suất cao thì GDP thực tế cao -> thúc đẩy tăng trưởng -> mức sống của người dân được cải thiện
- *Vậy yếu tố nào quyết định năng suất và tốc độ tăng trưởng kinh tế ?*



3. Các yếu tố quyết định năng suất

- Tài nguyên thiên nhiên (Natural resources -N)
- Tư bản hiện vật (Capital goods - K)
- Vốn nhân lực (Human capital - H)
- Tri thức công nghệ (Technology knowledge - A)

4. Các lý thuyết tăng trưởng kinh tế

4.1 *Lý thuyết tăng trưởng cổ điển của Malthus*

- Ra đời vào thế kỷ 18, trong thời kỳ đầu cuộc cách mạng công nghiệp
- Nội dung:
 - Ban đầu, dân số tăng, diện tích đất đai nông nghiệp tăng → năng suất nông nghiệp tăng
 - Khi đất đai khan hiếm, dân số tăng nhanh → tỷ lệ lao động/ đất đai giảm dần → năng suất lao động giảm dần → người dân chỉ sống ở mức vừa đủ tối thiểu → không còn tăng trưởng

4. Các lý thuyết tăng trưởng kinh tế

4.2 Lý thuyết tăng trưởng của Keynes - Mô hình Harrod - Domar

Lý thuyết ra đời vào những năm 40, thế kỷ XX do 2 nhà kinh tế Harrod - Anh và Domar- Mỹ độc lập công bố, dựa trên tư tưởng của trường phái Keynes

a. Giả định

- Sản lượng là hàm tuyến tính theo vốn ($Y = a.K$)
- Sự gia tăng của vốn phụ thuộc hoàn toàn vào đầu tư ($\Delta K = \Delta I$)
- Tổng tiết kiệm bằng tổng đầu tư trong một nền kinh tế ($S = s.Y = I$)

4.2 Mô hình Harrod - Domar

b. Nội dung

- Mức tăng đầu ra tỷ lệ với vốn theo một hệ số bất biến ICOR (Incremental capital-output ratio)

$$\mathbf{ICOR = \Delta K / \Delta Y = \Delta I / \Delta Y = \Delta S / \Delta Y = s.Y / \Delta Y = s / g}$$

$$\Rightarrow \mathbf{g = s / ICOR}$$

- Tăng trưởng kinh tế tỷ lệ thuận với tiết kiệm và đầu tư → mô hình nhấn mạnh tiết kiệm với tư cách là nguồn lực của tăng trưởng

Bảng 2: So sánh ICOR của Việt Nam với các nước trong thời kỳ tăng trưởng nhanh

	Thời kỳ tăng trưởng nhanh	Tỷ lệ đầu tư (%GDP)	Tỷ lệ tăng trưởng	ICOR
Việt Nam	2001-2008	51.6	7.5	6.9
Trung Quốc	1991-2003	39.1	9.5	4.1
Nhật Bản	1961-1970	32.6	10.2	3.2
Hàn Quốc	1981-1990	29.6	9.2	3.2

Nguồn: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

4. Các lý thuyết tăng trưởng kinh tế

4.3 Lý thuyết tăng trưởng tân cổ điển - Mô hình Solow

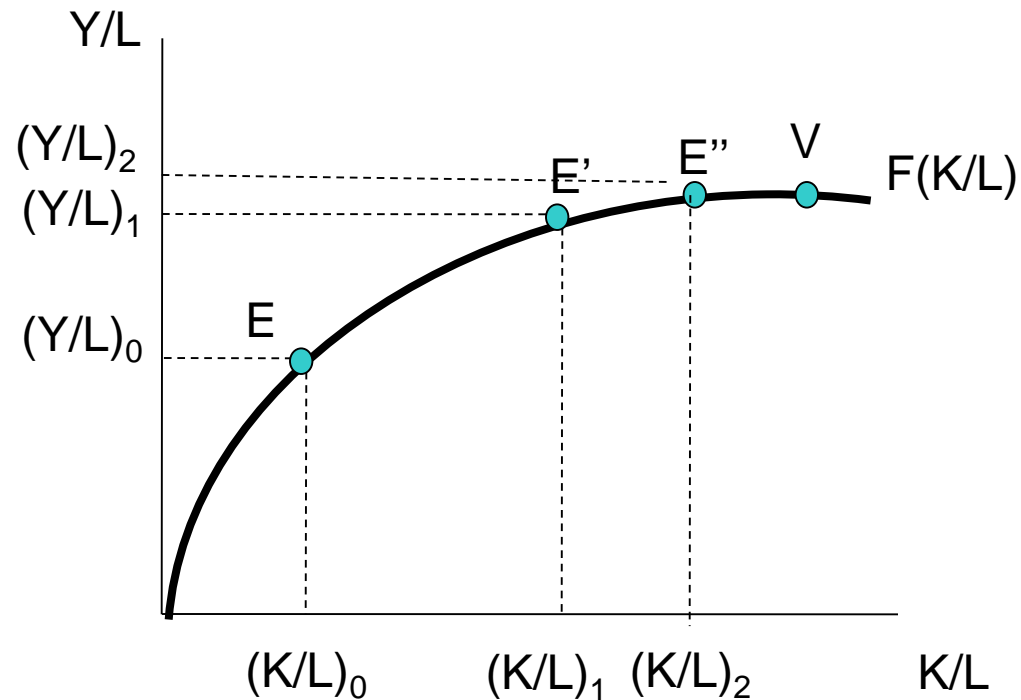
a. Giả định

- Mô hình sử dụng hàm sản xuất

$$Y = F(K, L)$$

- Hiệu suất không đổi theo quy mô (*constant returns to scale*)
- Lợi tức cận biên của vốn giảm dần (*diminishing marginal product of capital*)

Lợi tức cận biên của vốn giảm dần



*K/L tăng, Y/L tăng
nhưng với tốc độ
chậm dần*

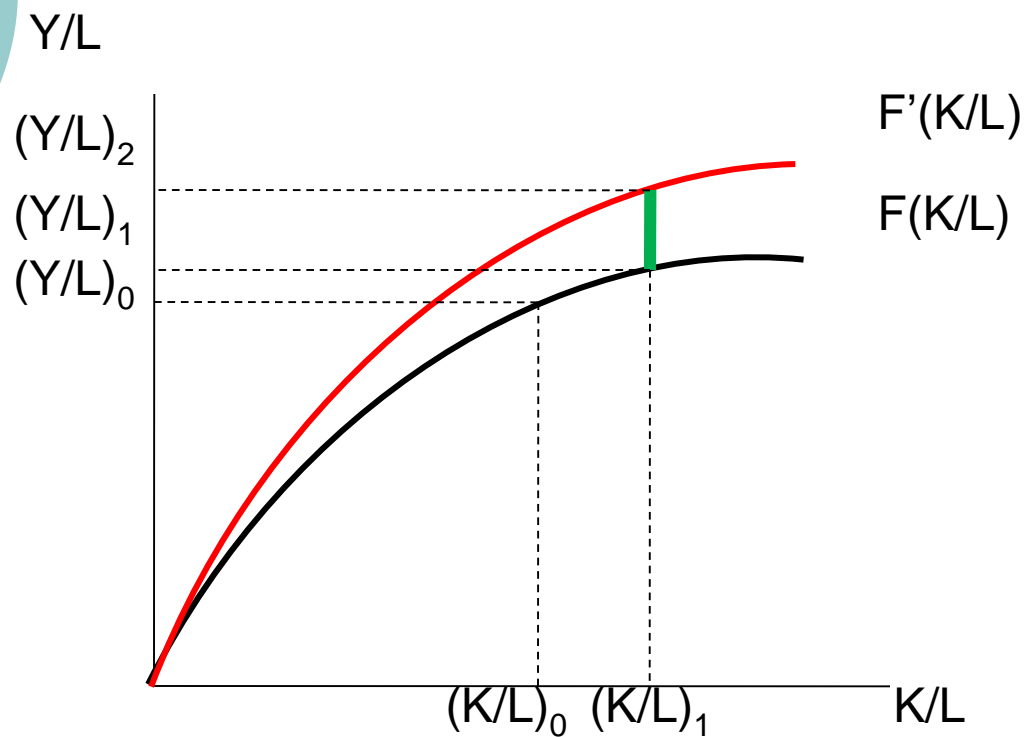
*E tăng với tốc độ
chậm dần từ đến E',
E'' đến V*

4.3 Mô hình Solow

b. Nội dung

- Khi chưa có yếu tố công nghệ, tư bản cao hơn mang lại năng suất cao hơn nhưng không mang lại tăng trưởng năng suất trong dài hạn
- Tiến bộ công nghệ mang lại năng suất cao hơn trong dài hạn

Tác động của tiến bộ công nghệ



Tiến bộ công nghệ làm cho hàm sản xuất dịch chuyển lên trên, K/L tăng $\rightarrow Y/L$ tiếp tục tăng trong dài hạn

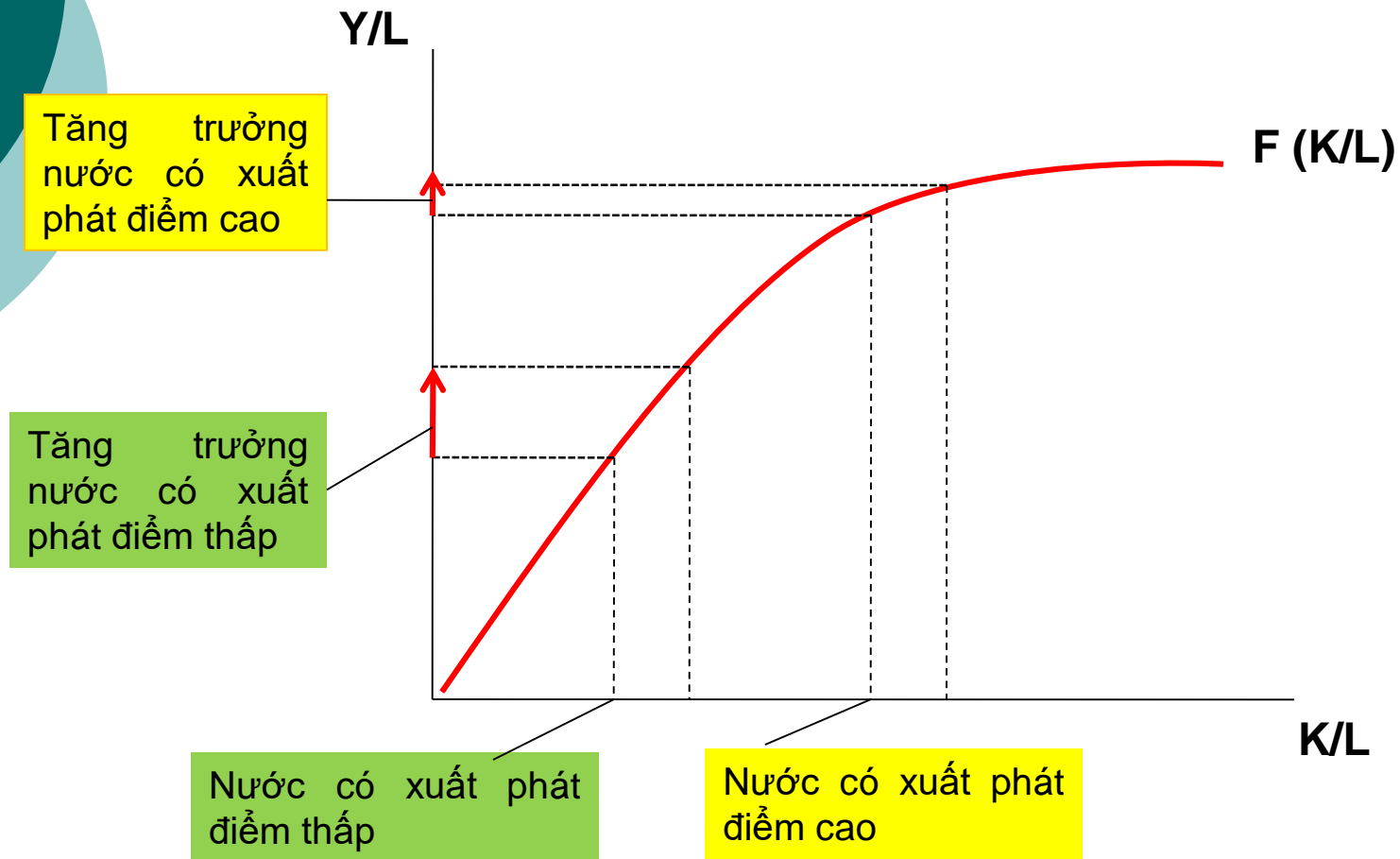
Ứng dụng mô hình Solow trong thực tiễn

- **Chính sách tiết kiệm và đầu tư**
 - Tăng tiết kiệm → tăng tích lũy tư bản → nâng cao năng suất → đẩy mạnh tốc độ tăng trưởng
 - Ý nghĩa của chính sách tiết kiệm trong dài hạn?

Ứng dụng mô hình Solow trong thực tiễn

- **Hiệu ứng đuổi kịp (catch-up effect/ conditional convergence)**
 - Hai quốc gia có xuất phát điểm khác nhau nhưng có chung tỷ lệ tiết kiệm và tốc độ phát triển khoa học kĩ thuật thì sau một thời gian sẽ có quy mô tương đương nhau
 - Ý nghĩa của hiệu ứng đuổi kịp ?

Hiệu ứng đuổi kịp



ĐỌC THÊM

Lý thuyết tăng trưởng nội sinh (Endogenous growth theory)

- Ra đời vào những năm 80 thế kỷ XX
- Mục tiêu: Phân tích, làm rõ cơ chế nội sinh tạo ra các quá trình tăng trưởng kinh tế
- Một số nhà kinh tế học tiêu biểu: Lucas (1988); Paul Romer (1990); Grossman và Helpman (1991) ; Mankiw (1992)...



5. Các chính sách thúc đẩy tăng trưởng

1. Chính sách tiết kiệm - đầu tư
2. Chính sách đầu tư nước ngoài
3. Chính sách giáo dục
4. Chính sách kiểm soát tốc độ dân số
5. Chính sách về quyền sở hữu và ổn định chính trị
6. Chính sách thương mại tự do
7. Chính sách nghiên cứu và triển khai